

Số: 01 /2014/ BC-BKS

Thừa Thiên Huế, ngày 07 tháng 3 năm 2014

BÁO CÁO

KIỂM TRA TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA CÔNG TY CP DỆT-MAY HUẾ NĂM 2013

Căn cứ vào Luật doanh nghiệp năm 2005; Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Dệt - May Huế.

Căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2013, các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo quyết toán, kiểm toán và hồ sơ, chứng từ, tài liệu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty .

Thành phần kiểm tra:

- Bà Nguyễn Hồng Liên - Trưởng Ban Kiểm soát.
- Bà Nguyễn Thị Kim Dung - Ủy viên Ban Kiểm soát.
- Ông Nguyễn Văn Phong - Ủy viên Ban Kiểm soát.

Nội dung kiểm tra :

- Đánh giá việc thực hiện Nghị quyết của HĐQT năm 2013.
- Kiểm tra, đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh, tài chính của Công ty Cổ phần Dệt - May Huế năm 2013.

Thời gian kiểm tra : Từ ngày 26/ 02 /2014 đến ngày 07 / 3 /2014.

Tài liệu kiểm tra:

- Căn cứ báo cáo tài chính đến 31/12/2013 của Công ty;
- Căn cứ báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh năm 2013 của Công ty;
- Căn cứ tài liệu báo cáo liên quan đến các phòng Tài chính Kế toán, Kinh doanh, KHXNK May, Nhân sự và các đơn vị liên quan.

Ban Kiểm soát đã thực hiện công tác kiểm tra, đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh, tài chính của Công ty Cổ phần Dệt - May Huế năm 2013 và thống nhất lập báo cáo cụ thể như sau:

Phần thứ nhất

HOẠT ĐỘNG VÀ KẾT QUẢ GIÁM SÁT NĂM 2013 CỦA BAN KIỂM SOÁT

A/ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

- Trong năm, Ban Kiểm soát đã thực hiện xem xét báo cáo tài chính các quý, 6 tháng, các vấn đề có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Thăm định báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo tài chính, Kiểm tra độ tin cậy của các số liệu báo cáo tài chính

- Ban kiểm soát thực hiện việc giám sát Hội đồng quản trị, Ban điều hành về việc chấp hành các quy định của Pháp luật, thực hiện Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên 2013.

Việc ban hành các Nghị quyết, Quyết định và đánh giá về tính hiệu lực, hiệu quả của các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị;

- Tham gia các phiên họp của Hội đồng quản trị trong việc kiểm soát các nội dung như: đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh quý, công tác xây dựng kế hoạch, công tác đầu tư, bổ nhiệm cán bộ quản lý, chỉnh sửa quy chế trả lương...

B - KẾT QUẢ GIÁM SÁT CỦA BAN KIỂM SOÁT

I. Phân tích tình hình sản xuất kinh doanh:

Chỉ Tiêu	Đơn vị tính	Năm 2012	Năm 2013		% so sánh	
			Kế hoạch	Thực hiện	TH/K H (%)	TH/cùng kỳ năm trước (%)
		1	2	3	5=3/2	6=3/1
1. Một số chỉ tiêu được giao KH:						
- Giá trị SX công nghiệp TH	Trồng	1.155.986,00	1.300.000	1.288.357,00	99,1	111,45
- Kim ngạch XK thanh toán	1000USD	36.335,00	40.000	42.727,61	106,82	117,59
- Kim ngạch XK tính đủ	1000USD	60.505,00	60.000	73.601,04	122,67	121,64
- Kim ngạch NK	1000USD	25.234,00	30.000	26.173,52	87,25	103,72
- Sản phẩm chủ yếu:						
+ Sợi toàn bộ	Tấn	11.445,00	12.000	11.130,00	92,75	97,25
+ Vải dệt kim	Tấn	1.190,76	1.100	1.159,89	105,44	97,41
+ SP may dệt kim	1000 sp	9.802,00	13.000	12.871,41	99,01	131,31
2. Tổng doanh thu	Trồng	1.176.086,65	1.350.000	1.312.089,95	97,19	111,56
- Doanh thu thuần SXKD	Trồng	1.170.995,10		1.306.331,59		111,56
- Doanh thu hoạt động TC	Trồng	3.194,84		5.150,84		161,22
- Doanh thu khác	Trồng	1.896,71		607,52		32,03
3. Chi phí						
- Giá vốn hàng bán	Trồng	1.035.598,12		1.152.459,99		111,28
- Chi phí hoạt động TChinh	Trồng	27.048,68		22.466,22		83,06
Trong đó chi phí lãi vay	Trồng	25.924,87		20.511,74		79,12
- Chi phí bán hàng	Trồng	38.566,58		42.110,04		109,19
- Chi phí quản lý DN nghiệp	Trồng	34.223,88		54.446,54		159,09
- Chi phí khác	Trồng	1.058,25		90,35		8,54
4. Một số khoản chi phí theo yếu tố						
- Chi phí khấu hao	Trồng	40.557,01		46.772,56		115,33
- Chi phí nhân công	Trồng	201.290,41		264.490,41		131,4
- Chi phí lãi vay	Trồng	25.924,87		20.511,74		79,12
5. Lợi nhuận						
- Tổng lợi nhuận trước thuế	Trồng	39.591,14		40.516,81		102,34
+ LN thuần từ HĐ động KD	Trồng	38.752,68		39.999,64		103,22
+ LN khác	Trồng	838,46		517,17		61,68
- Lợi nhuận sau thuế TNDN	Trồng	32.682,98		30.387,61		92,98
6. Lao động và thu nhập	Người					
- Lao động bình quân	(1.000đ/ng/tháng)	3.017,00		3.725,00		123,47
- Thu nhập bình quân		3.700,00		5.192,41		140,34

7. Phân tích tỷ lệ lợi nhuận – chi phí					
- Tỷ suất lợi nhuận /Vốn ĐT của CSH	%	120,82		123,65	102,34
- Tỷ suất lợi nhuận /VĐL	%	79,18		81,04	102,35
- Giá vốn/Doanh thu thuần	%	89,49		87,83	98,15
- Chi phí HĐTC/DT thuần	%	2,86		1,71	59,96
- Chi phí bán hàng/DTthuần	%	2,88		3,21	111,41
- Chi phí quản lý/DT thuần	%	2,78		4,15	149,51

Nhận xét: Với kết quả trên cho thấy mặc dù năm 2013 một số chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chính chỉ đạt mức xấp xỉ hoàn thành kế hoạch nhưng có sự tăng trưởng đáng kể so với năm 2012, cụ thể:

- Giá trị sản xuất công nghiệp là 1.228.357 triệu đồng tăng 11.45% so với cùng kỳ năm trước.

- Doanh thu (không có VAT) là 1.312.089 triệu đồng tăng 11.56% so với cùng kỳ năm trước.

- Kim ngạch XK thanh toán là 42,727 nghìn USD tăng 17,59% so với cùng kỳ năm trước.

- Lợi nhuận trước thuế 40.516 triệu đồng tăng 2,34% so với cùng kỳ năm trước, tỷ suất lợi nhuận/vốn điều lệ đạt 81%.

• **Các khoản hạch toán vào chi phí năm 2013:**

- **Trích khấu hao theo Thông tư 45/2013/TT-BTC, ngày 25 tháng 4 năm 2013**

+ Trích khấu hao mức tối đa : 39.380,93 trđ

+ Trích khấu hao mức tối thiểu : 22.867,84 trđ

+ Thực trích vào giá thành : 46.722,55 trđ (áp dụng khấu hao nhanh đối với máy móc thiết bị), tăng so với năm 2012: 6.215 tr.đồng.

- **Chi phí tiền lương:** Theo Quyết định giao đơn giá tiền lương năm 2013 của HĐQT Công ty: Tổng quỹ tiền lương được phép trích năm 2013 là 221.4455 trđ, đã trích vào giá thành là 211.455trđ, bằng 100% so với số được phép trích. Ngoài ra căn cứ kết quả hoạt động công ty đã trích dự phòng 11% quỹ tiền lương thực hiện 2013: 23.212 tr.đồng tăng so với năm 2012: 6%.

Các chi phí trên tăng là khoản tích lũy dự phòng của Công ty.

- **Chi phí lãi vay ngân hàng:** năm 2013 là 20.512 trđ. Chi phí lãi vay giảm 20.9% so với năm 2012, chủ yếu lãi suất giảm.

• **Kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2013**

Mặt hàng	Doanh thu (trđ)	Chi phí (trđ)	Lợi nhuận (trđ)
Sợi	643.119	617.029	26.090,80
Vải	531,78	781,23	(249,45)
May	638.635	626.498	12.137,83
May nội địa	2,511	2,486	0,02
Cộng HDSXKD chính	1.282.289	1.244.310	37.979,21
Kinh doanh khác	21.149	20.765	383,79
Dịch vụ	2.894	2525,5	368,29
Hoạt động TC	5.151	3.882	1.268,34
Thu nhập bất thường	607,52	90,346	517,17
Tổng cộng	1.312.090	1.271.573	40.516,82

Như vậy, kết quả hoạt động SXKD các mặt hàng chính lãi (+) 37.979,21 trđ, trong đó: Mặt hàng Sợi lãi (+) 26.090,80 trđ; mặt hàng vải lỗ (-)249,45 trđ; mặt hàng may lãi (+)12.137,85 trđ; hoạt động kinh doanh, dịch vụ, tài chính lãi (+) 2.537,6 trđ.

Kết quả SXKD năm 2013 lãi thực hiện (+) 40.516,82 trđ.

II. Thẩm định số liệu báo cáo tài chính:

1. Việc tuân thủ chế độ, chuẩn mực báo cáo tài chính.

- Báo cáo tài chính năm 2013 của Công ty Cổ phần Dệt May Huế phản ánh trung thực hiện trạng, bản chất sự việc, nội dung và giá trị của các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh;
- Phản ánh các khoản thu chi tài chính, các nghĩa vụ thu, nộp, thanh toán công nợ, quản lý và sử dụng tài sản và nguồn hình thành tài sản được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào chứng từ và sổ sách kế toán theo đúng quy định của chế độ kế toán;
- Lập các báo cáo tài chính theo chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành. Báo cáo tài chính được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Quốc gia VIA kiểm toán ngày 07/03/2014 kiểm toán theo các chuẩn mực kế toán và quy định của Pháp luật.

2. Các chỉ tiêu cân đối tài chính đến 31/12/2013.

Đơn vị tính: tr.đồng				
TÀI SẢN	1/1/2013	31/12/2013	Tăng giảm so với đầu năm	
			Giá trị	%
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	299.902	314.004	14.103	105%
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	7.629	25.772	18.143	338%
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	157.162	152.541	(4.621)	97%
1. Phải thu của khách hàng	153.293	147.670	(5.623)	96%
2. Trả trước cho người bán	1.798	3.227	1.429	179%
5. Các khoản phải thu khác	2.980	3.370	389	113%
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	(910)	(1.726)	(816)	190%
IV. Hàng tồn kho	127.878	125.130	(2.747)	98%
1. Hàng tồn kho	128.604	125.345	(3.259)	97%
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(727)	(215)	512	30%
V. Tài sản ngắn hạn khác	7.234	10.561	3.328	146%
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	6.817	8.388	1.570	123%
4. Tài sản ngắn hạn khác	417	2.173	1.757	521%
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	139.751	195.987	56.236	140%
I. Các khoản phải thu dài hạn	125	0	(125)	0%
II. Tài sản cố định	126.143	175.289	49.145	139%
1. TSCĐ hữu hình	121.249	155.398	34.149	128%
3. TSCĐ vô hình	237	43	(194)	18%
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	4.657	19.847	15.190	426%
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	10.653	16.653	6.000	156%
V. Tài sản dài hạn khác	2.829	4.045	1.216	143%
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	439.653	509.991	70.338	116%
A. NỢ PHẢI TRẢ	349.674	400.818	51.144	115%
I. Nợ ngắn hạn	286.625	306.688	20.063	107%
1. Vay và nợ ngắn hạn	156.078	163.256	7.178	105%
2. Phải trả cho người bán	52.874	34.198	(18.676)	65%
3. Người mua trả tiền trước	674	1.276	602	189%
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	3.405	4.091	685	120%
5. Phải trả người lao động	52.743	77.431	24.688	147%
6. Chi phí phải trả	6.678	7.201	523	108%
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	13.326	18.152	4.826	136%
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	846	1.084	237	128%
II. Nợ dài hạn	63.049	94.130	31.081	149%

B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	89.979	109.173	19.194	121%
I. Vốn chủ sở hữu	89.979	109.173	19.194	121%
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	49.996	49.996	0	100%
7. Quỹ đầu tư phát triển	13.197	16.519	3.322	125%
8. Quỹ dự phòng tài chính	5.103	7.938	2.835	156%
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	21.683	34.720	13.037	160%
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	439.653	509.991	70.338	116%

3. Phân tích một số chỉ tiêu tài chính:

3.1. Tình hình vật tư hàng hoá tồn kho năm 2013:

Tổng giá trị hàng tồn kho đến 31/12/2013 là 125.344,97 trđ, chiếm 24,5% trên tổng tài sản, giảm 2,15% so với năm 2012 (2.747 trđ); trong đó đang luân chuyển 125.046 trđ, tồn kho từ 1-2 năm 155,35 trđ, tồn từ 2 năm trở lên 142,4 trđ giảm 379 trđ so với năm 2012; cụ thể:

- Nguyên liệu tồn 44.438,9 trđ, so với đầu năm 2013 tăng 33,2%; trong đó chủ yếu tồn nguyên vật liệu bông xơ là 37.556,59 trđ; vật tư phụ tùng, hóa chất, phụ liệu, nhiên liệu... tồn 7.903 trđ.

- Chi phí dở dang tồn 38.267,18 trđ, giảm so với năm 2012 là 4,3% (năm 2012 là 40.002,8 trđ), chủ yếu là hàng may mặc (18.154,10 trđ).

- Thành phẩm tồn kho: 34.420,94 trđ, giảm so với năm 2012 là 31,7% (năm 2012 là 50.421,94 trđ), chủ yếu là sản phẩm sợi (13.457,09 trđ), may (20.962,82 trđ) chờ xuất năm 2014.

- Hàng hóa tồn kho: 136,59 trđ tăng 85% so với năm 2012 chủ yếu là hàng mua kinh doanh đang luân chuyển. (năm 2012 là 73,8 trđ).

3.2. Công nợ phải thu, phải trả đến 31/12/2013:

a. Công nợ phải thu: 147.712,38 trđ giảm 4% so với đầu kỳ.

Trong năm không phát sinh thêm nợ quá hạn. (theo BC phân tích nợ của đơn vị)

Một số khoản công nợ lâu năm khó đòi trừ trước, Công ty đã tích cực đôn đốc nhưng chưa thu hồi được : 6.268 tr.đồng, gồm:

- Ông Bùi Thế Quân: 1.709 trđ (từ năm 2001).
- Ông Nguyễn Trọng Bùi: 844,88 trđ (từ năm 2004).
- TAIJIUH GARMENT Co.,Ltd: 360,72 trđ (từ tháng 01/2006).
- Công ty TNHH Sametex: 708,7 trđ (từ tháng 08/2011)
- Công ty TNHH SX TM DV XNK Hưng Thành Đạt : 2.644,73 trđ (từ tháng 9/2012)

Trong đó có 2 khoản nợ vay từ trước năm 2004, đã lập dự phòng nhưng không được kiểm toán NN năm 2012 chấp thuận do chưa đủ pháp lý nên chưa được lập dự phòng trong năm 2013. Các khoản công nợ chậm luân chuyển khác khác Công ty đã trích dự phòng theo đúng quy định Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009: (-) 1.725,8 trđ.

b. Công nợ phải trả:

Tổng nợ phải trả : 400.818 trđ (78.59% nguồn vốn)

- Nợ ngắn hạn : 306.688 trđ
- Tr.đó: Vay ngắn hạn Ngân hàng : 163.256 trđ.
- Phải trả người lao động : 77.430 tr.đồng
- Nợ dài hạn : 94.130 trđ.
- Tr.đó: Vay ngân hàng: 66.886 trđ
- Nợ dài hạn: 27.243 trđ

(Công ty mua bán nợ: 22.083 trđ. Vay công nhân viên: 5.160 trđ).

c. Tình hình cân đối trả nợ vay Ngân hàng :

Công ty đã đảm bảo trả nợ gốc và lãi đúng hạn, không có nợ quá hạn.

Cân đối sử dụng vốn đúng nguồn, không chiếm dụng vốn ngắn hạn cho đầu tư dài hạn.

3.3. Tình hình đầu tư tài chính dài hạn:

Tổng vốn đầu tư vào các công ty liên kết đến 31/12/2013: 16.653 tr.đồng, tăng so với 2012: 6.000 do góp vốn vào Công ty CP Vinatex Hương Trà.

Vốn đầu tư năm 2012 :10.653 tr.đồng, Cổ tức năm 2012 ghi nhận kết quả trong năm 2013: 1.268 tr.đồng /4.995 tr.đ góp vốn là của 3 đơn vị gồm: Cty CP Sợi Phú Bài 110%, Cty CP đầu tư Thiên phát 16%, Cty CP Phú Hòa An 12%.

Số vốn chưa được chia cổ tức: 5.658 tr.đồng trong đó có 2 đơn vị lỗ là Cty CP bông vải miền Trung, Cty CP DK Hanosimex (Cty chưa lập dự phòng).

Cụ thể tình hình góp vốn và chia cổ tức năm 2012-2013 như sau:

Công ty liên quan	Vốn đầu tư			Hiệu quả đầu tư (%)	
	Của CSH (Tr.đồng)	Vốn Cty góp theo mệnh giá (Tr.đồng)	Tỷ lệ góp vốn (%)	Tỷ lệ cổ tức/vốn năm 2012	Dự kiến cổ tức 2013
1. Công ty CP Sợi Phú Bài	14.100	625	4,4%	110	
2. Công ty CP Bông vải Miền Trung	9.133	650	7,1%	không	
3. Công ty CP Đầu tư - Dệt may Thiên An Phát	20.000	1.500	7,5%	16	52,5
4. Công ty cổ phần Dệt kim Hanosimex (tài sản)	28.000	1.008	3,6%	không	
5. Công ty CP Dệt may Phú Hoà An	10.000	2.870	28,7%	12	
6. Công ty CP Vinatex Hồng Lĩnh	30.000	4.000	13,3%	không	
7. Công ty CP Vinatex Hương Trà	30.000	6.000	20,0%	Đang trong giai đoạn đầu tư	
Cộng	141.233	16.653			

Vốn đầu tư năm 2012 :10.653 trong đó số được chia cổ tức : 1.267 tr.đ/ 4.995 tr.đ góp vốn. Số vốn chưa được chia cổ tức: 5.658 tr.đồng. Bình quân chung cho các khoản đầu tư cổ tức đạt là 11,9%

3. 4.Vốn điều lệ:

STT	Đơn vị góp vốn	Số vốn (trđ)	Tỷ lệ %
1	Tập đoàn Dệt May VN	32.768	65,54
2	Cổ phần của các cổ đông thiểu số	6.250	12,50
3	Cổ phần các cổ đông là tổ chức	10.977	21,96
	Tổng cộng	49.995	100,00

4. Một số chỉ tiêu quan trọng phản ánh hiệu quả hoạt động, tình hình tài chính của công ty

Chỉ tiêu	1/1/2013	31/12/2013	Tăng , giảm so với đầu năm %
1.Hiệu quả sản xuất kinh doanh (đvt: %)			
Tỷ lệ LN trước thuế/Vốn ĐTCSH (%)	79%	81%	102%
Tỷ lệ LN trước thuế /Dthu (%)	3%	3%	92%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn ĐTCSH(%)	65%	61%	93%
Tỷ lệ tích lũy/Vốn ĐTCSH(%)	160%	175%	109%

2. Hiệu quả sử dụng vốn và Tài Sản (đvt:Lần)			
Mức độ bảo toàn vốn (>1:Phát triển; =1 Bảo toàn; <1: Ko hiệu quả)	1,80	2,18	121%
Hệ số sinh lời của tài sản	0,09	0,08	88%
3. Các hệ số đòn bẩy (đvt:Lần)			
Hệ số nợ phải trả/Tổng tài sản	0,80	0,79	99%
Hệ số nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	3,89	3,67	94%
So sánh tài trợ dài hạn(Nợ DH + VCSH - TS DHạn) Đồng	13.277	7.316	55%
Tự tài trợ về đầu tư tài sản (Vốn CSH/Tổng TS) (đvt:Lần)	0,20	0,21	105%
4. Khả năng thanh toán: (đvt Lần)			
Hệ số khả năng thanh toán hiện thời (<0.5 : DN thuộc diện giám sát)	1,05	1,02	98%
Hệ số khả năng thanh toán nhanh	0,60	0,62	103%

Qua các chỉ số phân tích trên cho thấy: Hiệu quả sản xuất kinh doanh của công ty tiếp tục tăng trưởng, tỷ lệ tích lũy cao, công ty bảo toàn và phát triển vốn tốt, Riêng hệ số nợ phải trả /VCSH có giảm nhưng đến 31/12/2013: 3,67 lần vẫn còn đang cao hơn quy định tối đa là 3 lần vốn chủ sở hữu.

III. Đánh giá việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2013:

1. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2013, Hội đồng quản trị đã tập trung chỉ đạo, giám sát công tác điều hành trong hoạt động sản xuất kinh doanh, tổ chức 01 kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, 11 phiên họp định kỳ, bám sát tình hình thực tế ban hành các Nghị quyết, Quyết định để kiểm tra, đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Hội đồng quản trị đã đề ra Nghị quyết, Quyết định có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh và tổ chức nhân sự của Công ty, tạo điều kiện thuận lợi cho Ban Điều hành Công ty hoàn thành nhiệm vụ. Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị ban hành đều dựa trên sự thống nhất, đồng thuận cao của các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2013.

Căn cứ vào Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2013, Công ty đã thực hiện và đạt được kết quả sản xuất kinh doanh thông qua các chỉ tiêu cơ bản sau:

- * Tổng doanh thu thực hiện năm 2013: 1.312,089 tỷ đồng đạt 97,19 % kế hoạch
- * Lợi nhuận trước thuế thực hiện 2013 : 40,5 tỷ đồng đạt 120 % kế hoạch.
- * Dự kiến trả cổ tức 2013 là 30 %

3. Công tác tổ chức quản lý của Ban Điều hành Công ty:

Trong năm 2013, Ban Điều hành đã thực hiện đúng Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị đã đề ra. Ban Điều hành đã cùng toàn thể CBCNV nỗ lực phấn đấu vượt qua khó khăn, đảm bảo công ăn việc làm cho gần 4.000 lao động, đảm bảo mức tăng trưởng và hiệu quả sản xuất kinh doanh, hoàn thành Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2013 đã đề ra.

Căn cứ các nghị quyết của Hội đồng quản trị trong năm 2013 về công tác sản xuất kinh doanh, đầu tư phát triển, thu nhập cho CBCNV và người lao động. Tổng Giám đốc đã triển khai thực hiện các chương trình hoạt động hàng tháng, có đánh giá tất cả các lĩnh vực, phân tích những mặt làm được, chưa làm được. Công tác quản lý điều hành của Ban Giám đốc đã có sự chuyển biến tích cực, năng động hơn; các chủ trương, giải pháp đề ra được Lãnh đạo Công ty tập trung chỉ đạo một cách mạnh mẽ, kiên quyết, dứt điểm từng phần việc và đạt hiệu quả.

Thông qua các cuộc họp giao ban, Tổng Giám đốc đã huấn luyện đào tạo những nội dung công tác quản lý mới cho cán bộ chủ chốt của công ty. Thực hiện phân cấp, phân nhiệm và giao quyền cho Phó Tổng giám đốc, Trưởng các đơn vị chủ động đề ra các giải pháp linh hoạt phù hợp với điều kiện cụ thể của từng lĩnh vực, từng thời kỳ đảm bảo đạt hiệu quả sản xuất kinh doanh cao nhất.

Xác định lấy người lao động làm trung tâm; là động lực phát triển, từ đó xây dựng chiến lược đào tạo nguồn nhân lực, giải quyết trúng các chế độ chính sách cho người lao động, thu hút người giỏi. Các chủ trương đầu tư, cải tạo mặt bằng nhà xưởng, tạo điều kiện tốt nhất để người lao động gắn bó với công ty, làm việc hết năng lực, đảm bảo tỷ lệ biến động lao động thấp nhất.

C- NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ

I. Nhận xét :

Năm 2013 nền kinh tế thế giới phục hồi chậm hơn so với mức dự báo kỳ vọng. Về phía các doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp trong ngành sợi – dệt – may, năm 2013 là năm có sự cạnh tranh mạnh mẽ do ảnh hưởng sụt giảm nhu cầu của thị trường. Trong tình hình đó, ban điều hành công ty đã có sự chỉ đạo phù hợp trong công tác sản xuất – kinh doanh. Lĩnh vực sợi công tác kinh doanh được đẩy mạnh, linh hoạt trong sản xuất để đáp ứng nhu cầu thị trường. Lĩnh vực sản xuất dệt nhuộm được ổn định, tập trung công tác ổn định chất lượng. Lĩnh vực may tập trung nâng cao năng suất, khai thác tối đa công trình mới đầu tư, bên cạnh đó cải tiến khâu bố trí điều hành sản xuất để ngày càng tinh gọn. Lực lượng lao động trong toàn công ty có công việc ổn định, thu nhập bình quân tăng cao.

Trong quá trình kiểm tra giám sát tình hình chỉ đạo quản lý của Hội đồng quản trị, công tác điều hành hoạt động của Ban Tổng giám đốc và các số liệu báo cáo hàng năm đã được kiểm toán độc lập kiểm tra, Ban kiểm soát cho rằng tình hình tài chính của Công ty là lành mạnh, các chỉ số cơ bản về tình hình công nợ, vốn vay đều đảm bảo tính thanh khoản. Tình hình sử dụng tài sản, nguồn vốn đều đạt hiệu quả.

Hội đồng quản trị đã có Nghị quyết thường kỳ, đột xuất để định hướng chiến lược phát triển của Công ty, hàng quý có đánh giá tất cả các lĩnh vực, phân tích những mặt làm được, chưa làm được và đề ra các giải pháp khắc phục. Hội đồng quản trị đã tập trung chỉ đạo, giám sát kịp thời hỗ trợ công tác điều hành trong hoạt động sản xuất kinh doanh, bám sát tình hình thực tế của Công ty, đã ban hành các Nghị quyết, Quyết định để kiểm tra, đánh giá kết quả hoạt động cũng như chỉ đạo thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị ban hành đều dựa trên sự thống nhất, chấp thuận của các thành viên Hội đồng quản trị.

Công ty đã duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO-9001:2008 và tuân thủ các chính sách trách nhiệm xã hội. Thường xuyên tổ chức đánh giá nội bộ, được các khách hàng như Perry Ellis, Li-Fung, Hansae, Texment, Costco, JC Penny thường xuyên đánh giá và nhận xét tốt về Công ty.

II. Những khuyến nghị đề xuất:

1. Lĩnh vực Sợi: duy trì tổ chức sản xuất với cơ cấu mặt hàng hợp lý, đầu tư cải tiến nâng cao chất lượng. Mở rộng thêm thị trường tiêu thụ sản phẩm trong nước và xuất

khẩu, hạn chế lượng hàng tồn kho, đẩy mạnh lượng sợi xuất khẩu đạt hơn 60%, đảm bảo kinh doanh có hiệu quả.

2. Lĩnh vực dệt nhuộm: Nâng cao năng lực sản xuất và kiểm soát chặt chẽ vấn đề chất lượng, đảm bảo cung ứng nguyên liệu cho các đơn hàng FOB đúng tiến độ - đạt yêu cầu chất lượng. Các vấn đề chất lượng thường xuyên lặp lại cần có giải pháp xử lý triệt để hơn nữa để nâng cao hiệu quả sản xuất ở lĩnh vực này.

3. Lĩnh vực May:

- Kiên trì định hướng chiến lược phát triển khách hàng, bên cạnh các khách hàng truyền thống, mục tiêu phát triển thêm ít nhất 1 khách hàng FOB và 1-2 khách hàng gia công XK mới trong năm 2014, đảm bảo nguồn hàng cho ổn định và phát triển sản xuất may

- Đa dạng hóa thêm mặt hàng sản xuất. Phát triển trên, 10 chuyên may làm hàng woven, phức tạp để cân bằng giữa các khâu sản xuất cắt – may – hoàn thành

- Cải tiến công tác quản lý, tăng cường công tác kiểm tra – giám sát nhằm nâng cao năng suất song song với việc đảm bảo chất lượng sản phẩm.

- Cần có sự cải tiến mạnh mẽ trong công tác quản lý nguyên phụ liệu đầu vào và trong quá trình sản xuất. Kiểm soát chặt chẽ công tác định mức nguyên phụ liệu và lao động. Luôn cập nhật, đối chiếu sổ sách và thực tế để có hướng điều chỉnh phù hợp. Sử dụng triệt để các loại phụ liệu tồn kho để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh

4. Về công tác tài chính:

- Công nợ: cần có giải pháp quyết liệt trong công tác thu hồi công nợ và ngăn chặn phát sinh công nợ quá hạn mới. Các thủ tục mua bán cần có sự tư vấn tuân thủ các quy định của pháp luật và thông lệ quốc tế, các nội dung quy định trong hợp đồng, thỏa thuận mua bán cần chặt chẽ. Đối với các khách hàng có nợ quá hạn, sau khi đã thực hiện các giải pháp thúc đẩy, đàm phán mà không có kết quả, cần nhờ đến sự can thiệp của các cơ quan pháp luật nhà nước xử lý.

- Về đầu tư tài chính dài hạn: với đơn vị có kết quả kinh doanh lỗ cần tiến hành lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn.

- Về căn cứ pháp lý ghi nhận chi phí tiền lương trích vào giá thành nên điều chỉnh phê duyệt tỷ lệ tiền lương được trích có bao gồm mức dự phòng tối đa có thể.

5. Rà soát lại quy trình, kiểm soát chặt chẽ hơn nữa công tác định mức kinh tế kỹ thuật để góp phần hạ giá thành sản phẩm, tăng sức cạnh tranh của Công ty, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

6. Thiết lập, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện mục tiêu chất lượng để chủ động phát hiện các vấn đề mới phát sinh để đề ra các giải pháp xử lý hiệu quả nhất. Duy trì tốt những thay đổi tích cực đang áp dụng, liên tục đánh giá để điều chỉnh cho phù hợp và cải tiến thường xuyên để luôn tạo ra nhận thức và cách làm mới.

7. Tiếp tục tổ chức sắp xếp hoàn thiện bộ máy quản lý của công ty tinh gọn, hợp lý và hiệu lực. Thực hiện công tác quy hoạch, đào tạo cán bộ kế cận, cán bộ quản lý, kỹ thuật, luân chuyển cán bộ đáp ứng yêu cầu phát triển của công ty.

8. Quyết liệt thực hiện đổi mới toàn diện từ tư duy, nhận thức đến cách làm đối với toàn bộ hệ thống quản lý điều hành, tổ chức thực hiện nhiệm vụ; từ mô hình tổ chức bộ máy đến chức năng nhiệm vụ và phương pháp điều hành; từ công tác đơn hàng, lập kế hoạch sản xuất kinh doanh đến việc triển khai thực hiện, kiểm tra, giám sát toàn bộ quá trình.

9. Xây dựng văn hóa doanh nghiệp, tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp, thân thiện, lập phương án trả lương cho CBCNV hiệu quả nhằm tạo động lực làm việc cũng như ổn định lực lượng lao động gián tiếp.

Phần thứ hai

PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2014

- Ban kiểm soát thực hiện việc kiểm soát để đảm bảo Công ty hoạt động theo đúng luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hàng năm;
- Tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị, nắm bắt tình hình hoạt động kinh doanh của công ty, tham gia đóng góp ý kiến với Hội đồng quản trị, Ban điều hành trong việc thực hiện các kế hoạch, mục tiêu đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt cũng như việc xây dựng kế hoạch hàng năm của Công ty;
- Thẩm định báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty, kịp thời cập nhật thông tin phục vụ cho công tác kiểm tra giám sát;
- Làm việc với kiểm toán độc lập và có những ý kiến về những vấn đề mà kiểm toán đưa ra dưới góc độ độc lập của Ban kiểm soát;

Trên đây là toàn bộ nội dung báo cáo của Ban Kiểm soát năm 2013 kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét.

Nơi nhận:

- Chủ tịch HĐQT;
- Các thành viên HĐQT;
- Ban Điều hành Công ty;
- Các thành viên Ban KS, Kế toán trưởng;
- CBTT Website: www.huegatex.com.vn;
- Lưu Ban Kiểm soát.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

Nguyễn Hồng Liên